ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

TP.HỐ CHÍ MINH

TIỂU LUẬN MÔN QUẢN LÍ TIN HỌC

ĐỀ TÀI:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG INTERNET CỦA GIỚI TRẺ TRÌNH ĐỘ CAO

THÀNH VIÊN:

Bùi Thị Hồng Hoa

Nguyễn Thị Thanh Hương

Huỳnh Thị Đoàn Trâm

Nguyễn Đoàn Phương Thùy

Huỳnh Kha Ngọc Xuân

Tp. HCM, Tháng 07/2010

Chương I: Tình Hình Sử Dụng Internet Trong Bộ Phận Giới Trẻ Có Trình Độ Văn Hóa Cao

Chương I: Tình Hình Sử Dụng Internet Trong Bộ Phận Giới Trẻ Có Trình Độ Văn Hóa Cao

1. Giới thiệu

Có lẽ nói không sai rằng, Internet chính là một trong những phát minh lớn nhất của loài người trong nửa cuối thế kỉ XX, đóng vai trò quan trọng trong việc toàn cầu hóa thông tin nói riêng, và thúc đẩy những bước tiến của nhân loại nói chung."

Sử dụng Internet trên thế giới nói chung, tại Việt Nam nói riêng, đã dần trở thành nhu cầu không thể thiếu đối với đa số người, nhất là giới trẻ. Internet vừa là nguồn cung cấp thông tin lớn nhất, nhanh chóng nhất, nguồn giải trí phong phú và hấp dẫn nhất, vừa là cách thức liên lạc hiệu quả, rẻ tiền nhất. Nhu cầu sử dụng Internet trong giới học sinh – sinh viên đặc biệt lớn và phong phú, với mục đích rất đa dạng, đây cũng là giới có những yêu cầu khá cao về chất lượng dịch vụ khi sử dụng. Từ đây nảy sinh làm một cuộc khảo sát, mục đích muốn tìm hiểu về nhu cầu sử dụng Internet của giới trẻ, đồng thời có một cái nhìn về tổng thể Internet tại Việt Nam.

Trong đa số những cuộc khảo sát trước đây về tình hình sử dụng Internet trong giới trẻ Việt Nam, đối tượng khảo sát đều rất chung chung, không chú trọng vào một bộ phận đặc biệt nào. Trong bài báo cáo này, chúng tôi tập trung chủ yếu vào những đối tượng có trình độ văn hoá cao và có công việc ổn định. Kết quả thu được cho thấy bộ phận này trong giới trẻ có thời lượng cũng như mục đích sử dụng Internet tương đối hiệu quả và hợp lý. Với kết quả đó, ta có thể tin rằng nếu có kế hoạch quản lý và phát triển hợp lý, những mặt tiêu cực và thiếu hiệu quả của Internet hoàn toàn có thể được hạn chế.

1.1. Tình hình chung về việc sử dụng Internet tại Việt Nam sau hơn 10 năm

Cách đây hơn mười năm, ngày 19/11/1997, dịch vụ Internet chính thức có mặt tại Việt Nam. Việc thử nghiệm Internet đã tiến hành rất sớm ở 4 đơn vị khác nhau:

- Mạng Sprintnet: (năm 1996) của Công ty Điện toán và Truyền số liệu (VDC) thuộc Tổng công ty Bưu chính Viễn thông (VNPT) tại hai địa điểm Hà Nội và Tp.HCM qua hai cổng quốc tế 64 Kb/giây kết nối Internet Sprintlink (Mỹ).
- Mạng Varenet: (năm 1994) của Viện Công nghệ thông tin thuộc Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia được kết nối với mạng Internet qua cổng mạng AARnet của Đại học Quốc gia Australia.
- Mạng Toolnet: (năm 1994) của Trung tâm thông tin Khoa học công nghệ Quốc gia thuộc Bộ Khoa học công nghệ và Môi trường kết nối với mạng Toolnet của Amsterdam (Hà Lan).
- Mạng HCMCNET: (năm 1995) của Trung tâm Khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học công nghệ và Môi trường TP HCM kết nối qua nút mạng ở Singapore.

Internet lúc đầu được xem là dịch vụ cao cấp dành cho một nhóm cá nhân, tập thể thật sự có nhu cầu. Vì là dịch vụ mới nên cước phí cao, thủ tục đăng ký phức tạp... Còn bây giờ, dịch vụ Internet không chỉ có mặt ở các đô thị mà đã lan tỏa rộng khắp 64 tỉnh thành, từ những khu dân cư đông đúc đến các bản làng xa xôi... Thậm chí tại một số vùng quê, nhiều gia đình nông dân đã biết sử dụng Internet để lấy thông tin về khoa học nông nghiệp, giá cả nông sản... phục vụ cho công việc của mình. Cụ thể, Internet cũng đã được kết nối tới tất cả các bộ, ngành, chính quyền địa phương cấp tỉnh và huyện; 100% cơ quan Đảng cấp tỉnh và 90% cơ quan Đảng cấp huyện đã kết nối Internet; 100% trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học đã kết nối Internet. Trong lĩnh vực y tế, đã có 100% các viện nghiên cứu, bệnh viện trung ương và 90% bệnh viện tỉnh kết nối Internet. Mặt khác, một trong những điểm mạnh và cũng là thành công của Việt Nam trong việc đưa Internet về nông thôn là đã có hơn 2.500 điểm Bưu điện văn hóa xã kết nối Internet. Các điểm truy cập Internet công cộng cũng được phủ tới tất cả các huyện và hầu hết các xã trong vùng kinh tế trọng điểm và 70% số xã trong cả nước. Đặc biệt, sẽ có 100% các viện nghiên cứu, trường học từ đại học đến trung học phổ thông, 90% trung học cơ sở và bệnh viện được kết nối Internet. Theo Quy hoạch Phát triển Internet đến năm 2010, Internet và viễn thông sẽ đạt tốc độ tăng trưởng cao gấp 2 lần tốc độ tăng trưởng chung của kinh tế xã hội. Mục tiêu đến năm 2010, Internet và viễn thông sẽ đóng góp khoảng 55.000 tỷ đồng cho nền kinh tế. Quy hoạch đặt ra mục tiêu nâng tỷ lệ người sử dụng Internet lên 25-30% trong đó có tới 30% là thuê bao băng rộng.

Với tốc độ phát triển từ 35-37%/năm liên tục trong nhiều năm, tỷ lệ người sử dụng Internet Việt Nam hiện nay đã vượt qua mức trung bình của thế giới là 16,9%. Sau 10 năm, Internet đã thu hút 17.872.165 người sử dụng, chiếm 21.24% dân số Việt Nam. Mặc dù đã phát triển rất nhanh trong 10 năm, nhưng mức độ khai thác Internet vẫn chưa được hiệu quả một phần do chất lượng chưa tương xứng với số lượng, mặt khác do ý thức của người sử dụng. Như hai mặt của một vấn đề, người sử dụng Việt Nam dẫu chưa biết khai thác hết những ưu việt của Internet nhưng đã rất rành những mặt trái của nó như blog đen, web đen. Phần lớn những người sử dụng là thanh niên. Họ sử dụng Internet vào mục đích chơi điện tử trực tuyến, tán gẫu, thảo luận, nghe nhạc, đọc tin tức, hầu hết tự tìm hiểu để biết sử dụng. Tỉ lệ nam thanh niên tham gia vào Internet chiếm nhiều hơn nữ. Thanh thiếu niên phần lớn đều biết Internet là một nguồn thông tin và giải trí. 90,3% thanh thiếu niên ở thành thị và 65,6% ở nông thôn đã nghe nói về Internet, tuy nhiên tỷ lệ đã sử dụng còn thấp. Chỉ có 17,3% trên tổng

số đã từng dùng Internet, trong đó thanh niên nông thôn sử dụng ít hơn thanh thiếu niên thành thị tới 4 lần (12,8% và 50,2%).

1.2. Phát biểu vấn đề

Đặc điểm các cuộc khảo sát trước đây về việc sử dụng Internet trong giới trẻ :

- Đối tượng nghiên cứu còn khá rộng.
- Chưa đi sâu tìm hiểu những bộ phận nhất định trong giới trẻ (những người có hoàn cảnh khó khăn hay những người có trình độ văn hoá cao trong xã hội).
- Cần có những khảo sát hướng đến những đối tượng thuộc những bộ phận nhỏ hơn, đặc trưng hơn trong giới trẻ.

1.3. Mục tiêu đề tài

- Đưa ra được một cái nhìn khái quát về việc sử dụng Internet trong một bộ phận nhất giới trẻ có trình độ văn hoá cao, gồm những đối tượng đang là sinh viên cao học và những đối tượng có việc làm ổn định.
- Xác định vai trò chính cuả Internet trong hoạt động cuả giới trẻ (giải trí hay học tập).
- Dựa vào mục tiêu như trên, chúng tôi xin nêu ra định nghĩa của từ "giới trẻ" trong phạm vi bài báo cáo này: đó là những đối tượng ở độ tuổi có khả năng tiếp cận công nghệ cao, những người có đủ năng lực để tiếp cận CNTT và Internet. Điều này có sự khác biệt với nghĩa thông thường của từ này, khi định nghĩa "giới trẻ" dựa vào độ tuổi, nhưng nó đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mục tiêu khảo sát.

2. Trình tự khảo sát

Khảo sát này sẽ được thực hiện bằng một survey mà trong đó các câu hỏi sẽ giúp ta lấy được những thông tin cần thiết từ những đối tượng khảo sát.

2.1. Thông tin cần thu nhập

Thông tin về đối tượng được khảo sát:

- Độ tuổi.
- Trình độ văn hoá.
- Thu nhập
- Nhóm ngành (có thuộc các ngành sử dụng CNTT hay không ?).

Nội dung khảo sát:

- Thời lượng sử dụng.

- Mục đích sử dụng (Loại thông tin truy cập).
- Mức độ hài lòng về việc sử dụng internet

2.2. Kết quả khảo sát

Khảo sát tiến hành trên 100 người.
Nguồn khảo sát:

- Sinh viên trường ĐH KHTN, ĐH BK , ĐH KT và TTĐTBDCBYT.
- Cán bộ nhân viên Bệnh viện Bình Thạnh, Ngân hàng Á Châu, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển nông thôn.
- Một số bạn bè và người thân trong gia đình.

Chương II: Phân tích Tình Hình Sử Dụng Internet Trong Bộ Phận Giới Trẻ Có Trình Độ Văn Hóa Cao Thông Qua SPSS

Chương II: Phân tích Tình Hình Sử Dụng Internet Trong Bộ Phận Giới Trẻ Có Trình Độ Văn Hóa Cao thông qua SPSS

1. Tổng quan về đối tượng khảo sát

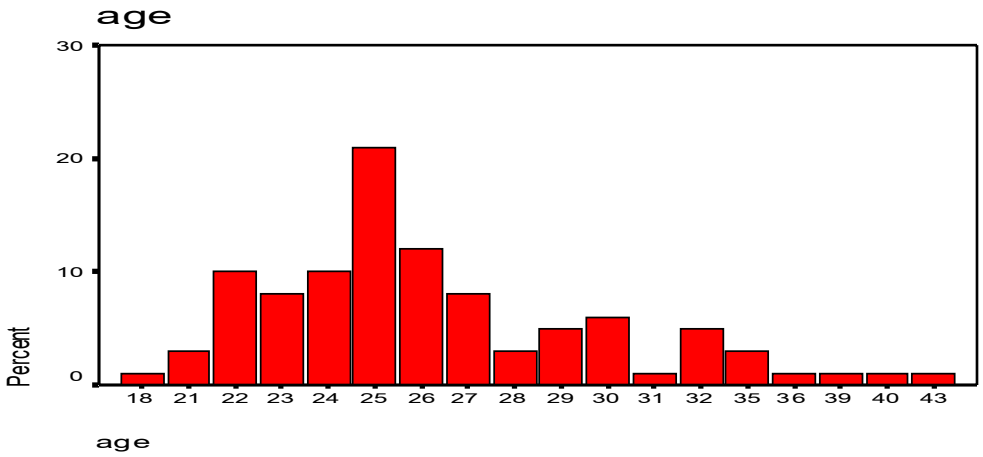

Bảng 1 Thể hiện theo độ tuổi

Bảng số liệu trên thể hiện sự phân bố về độ tuổi của các đối tượng được khảo sát. Trong đó trung bình độ tuổi là 27 tuổi. Tần suất tuổi xuất hiện nhiều nhất là 25 tuổi. Sự phân bố trên là hợp lý vì bài báo cáo này tập trung nghiên cứu chủ yếu là những đối tượng thuộc giới trẻ.

Statistics

age		
N	Valid	100
	Missing	0
Mean		26.41
Median		25.00
Mode		25
Std. Deviation		4.238
Variance		17.962
Minimum		18
Maximum		43
Sum		2641

Bảng số liệu sau thể hiện sự phân bố các đối tượng khảo sát dựa vào trình độ văn hóa. Dựa vào Bảng số liệu ta nhận thấy các đối tượng được khảo sát chủ yếu là những người có trình độ văn hóa cao (ở trình độ Đại Học, Cao Đẳng chiếm 75 %)

study * sexual Crosstabulation

Count

		sexual		Total
		female	male	
study	highschool	5	12	17
	bachelor	36	39	75
	master	2	6	8
Total		43	57	100

Biểu đồ sau thể hiện nhận xét của những đối tượng được khảo sát về tình hình sử dụng Internet . Khoảng 85 % các đối tượng khảo sát cho rằng việc sử dụng Internet là hữu íchvà rất hữu ích. Những ý kiến này giúp ta có cái nhìn tổng quát hơn về tình hình sử dụng Internet trong giới trẻ nói chung vì nó bao gồm cả những đối tượng nằm ngoài những đối tượng nghiên cứu của đề tài này.

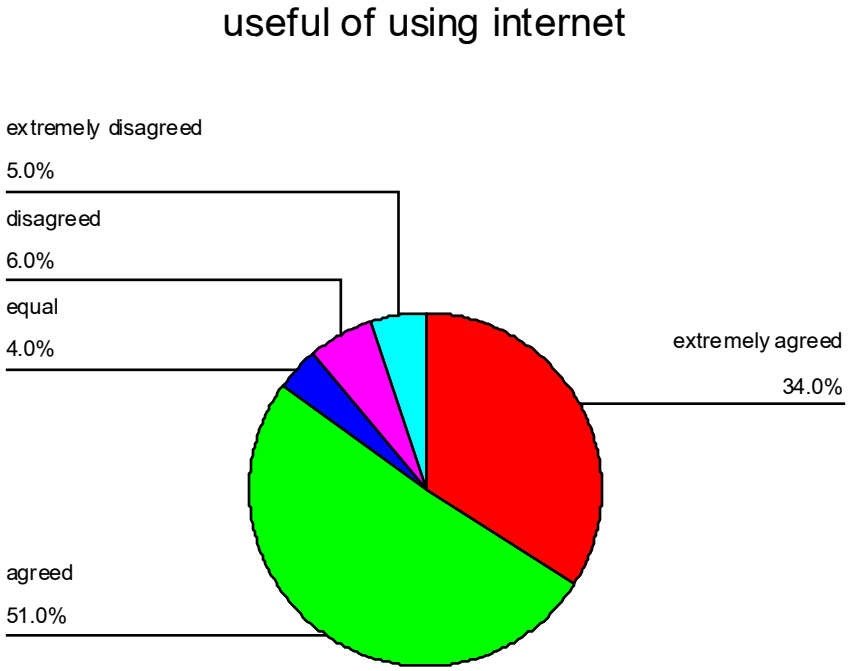

3. Phân tích – Thảo luận

3.1. Thời lượng sử dụng Internet theo độ tuổi

Ban đầu khi thực hiện thống kê trên SPSS, thì mức độ tin cậy của giá trị trung bình không cao, có hơn 20% ô nhỏ hơn 5

Chi-Square Tests

	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Pearson Chi-Square	3.703(a)	4	.448
Likelihood Ratio	3.945	4	.413
Linear-by-Linear Association	1.135	1	.287
N of Valid Cases	100		

a 5 cells (55.6%) have expected count less than 5. The minimum expected count is .24.

Do vậy nhóm đã tiến hành recode lại cả về mức độ sử dụng internet và cả biến độ tuổi. Level of chiSquare_ mức độ sử dụng in ternet _ có 2 giá trị giá trị 1 tức là sử dụng hàng ngày , giá trị 2 là sử dụng hàng tuần , hàng tháng, hiếm khi và không bao giờ dung. Sau đây là kết quả, cho thấy

level.chisquare * age.recode.c2 Crosstabulation

Count

		age.recode.c2			
		under25	25-29	over 29	Total
level.chisquare	1.00	25	32	13	70
	2.00	7	17	6	30
Total		32	49	19	100

Chi-Square Tests

	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Pearson Chi-Square	1.543(a)	2	.462
Likelihood Ratio	1.591	2	.451
Linear-by-Linear Association	.804	1	.370
N of Valid Cases	100		

a 0 cells (.0%) have expected count less than 5. The minimum expected count is 5.70.

Bảng số liệu trên được sử dụng để so sánh sự chênh lệch về mức độ sử dụng Internet ở từng độ tuổi khác nhau. Trong quá trình thực hiện Qua đó ta sẽ phân tích được sự ảnh hưởng của tuổi tác đến xu hướng sử dụng Internet.

Để tiện cho việc khảo sát và phân tích, chúng tôi chia các đối tượng được khảo sát thành 3 nhóm tuổi, gồm:

- *Nhóm 1:* những đối tượng ở độ tuổi dưới 25 tuổi, đây là nhóm tuổi vừa mới ra trường và đang tìm kiếm môi trường làm việc ổn định hơn
- *Nhóm 2:* những đối tượng ở độ tuổi từ 26-29 tuổi, đây là nhóm tuổi đã có kinh nghiệm trong làm việc nhiều hơn nhóm 1, giai đoạn thành đạt của giới trẻ.
- *Nhóm 3:* những đối tượng ở độ tuổi từ 29 tuổi trở lên, đây là nhóm tuổi dày dạn kinh nghiệm trong làm việc nhiều, giai đoạn tận hưởng thành quả đạt được .

level.chisquare * age recode. chi square Crosstabulation

Statistics : Count

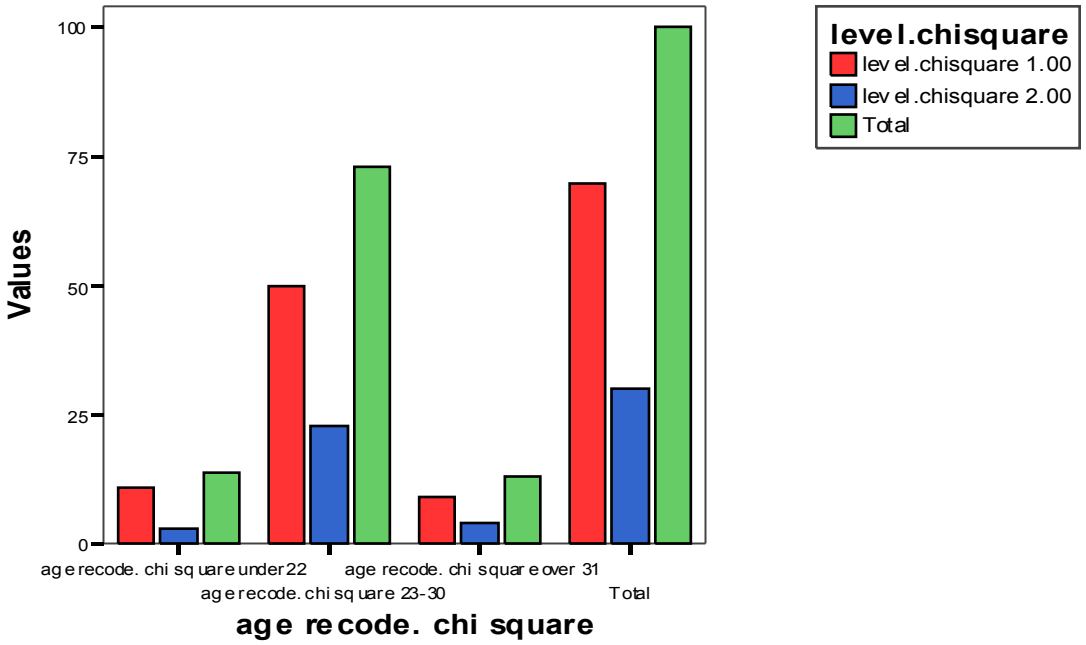

Dựa vào đồ thị trên, ta có thể nhận thấy mức độ sử dụng thường xuyên của các nhóm đối tượng

Những đối tượng thuộc độ tuổi nhóm 1 và 2 có mức độ sử dụng Internet nhiều hơn nhóm độ tuổi nhóm 3.

Vậy những nhân tố nào đã tạo nên sự chênh lệch về thời lượng sử dụng Internet giữa các nhóm tuổi ? Câu trả lời mà nhóm chúng tôi đưa ra ở đây chính là : tính năng động, áp lực cuộc sống, và nhu cầu sử dụng.

- *Nhóm 1:* Là lứa tuổi có tính năng động rất cao, sẵn sàng học hỏi và tiếp thu cái mới. Tuy nhiên, những đối tượng thuộc nhóm tuổi này chịu sự quản lý chặt chẽ về mặt thời gian từ các bậc phụ huynh, phần lớn thời gian của họ cần dùng cho việc học tập và những hoạt động giải trí thể chất khác.
- *Nhóm 2:* Những đối tượng thuộc nhóm tuổi này hội đủ cả 3 nhân tố chính được đề cập ở trên : họ là những người năng động, luôn tích cực tiếp cận những kiến thức và công nghệ mới. Áp lực cuộc sống với những đối tượng này là không quá lớn. Bên cạnh đó, công việc cũng như quá trình học tập của họ đòi hỏi một lượng thông tin rất lớn từ Internet. Điều đó giải thích vì sao thời lượng sử dụng Internet trung bình lại đạt cao nhất ở nhóm tuổi này.
- *Nhóm 3:* Khi đã bước vào lứa tuổi trung niên, con người sẽ mất đi rất nhiều tính năng động, điều đó khiến những đối tượng thuộc nhóm tuổi này không còn quá tích cực trong việc tiếp thu những công nghệ mới. Hơn nữa, phần lớn đối tượng thuộc nhóm tuổi này là những người đã có gia đình, áp lực cuộc sống, trách nhiệm đối với gia đình là rất lớn. Với tất cả những yếu tố đó, thời lượng sử dụng Internet không cao ở lứa tuổi này là điều dễ hiểu.

Với mục tiêu và hướng khảo sát của mình (như đã đề cập ở phần đầu của bài báo cáo), chúng tôi chỉ tiến hành khảo sát trên những đối tượng là những người đang đi học và những người có công việc làm ổn định. Đối với những đối tượng đó, mức độ sử dụng nhiều hơn các đối tượng khác là điều hợp lý, vì thời gian học tập và làm việc trong một ngày của họ chiếm một phần rất lớn.

3.2.3. Nhận xét của các đối tượng khảo sát về xu hướng sử dụng Internet trong giới trẻ:

Trong quá trình khảo sát, nhóm chúng tôi đã thu thập nhận xét của những đối tượng được khảo sát về xu hướng sử dụng Internet của giới trẻ hiện nay. Thông tin này được thể hiện trong bảng thống kê sau

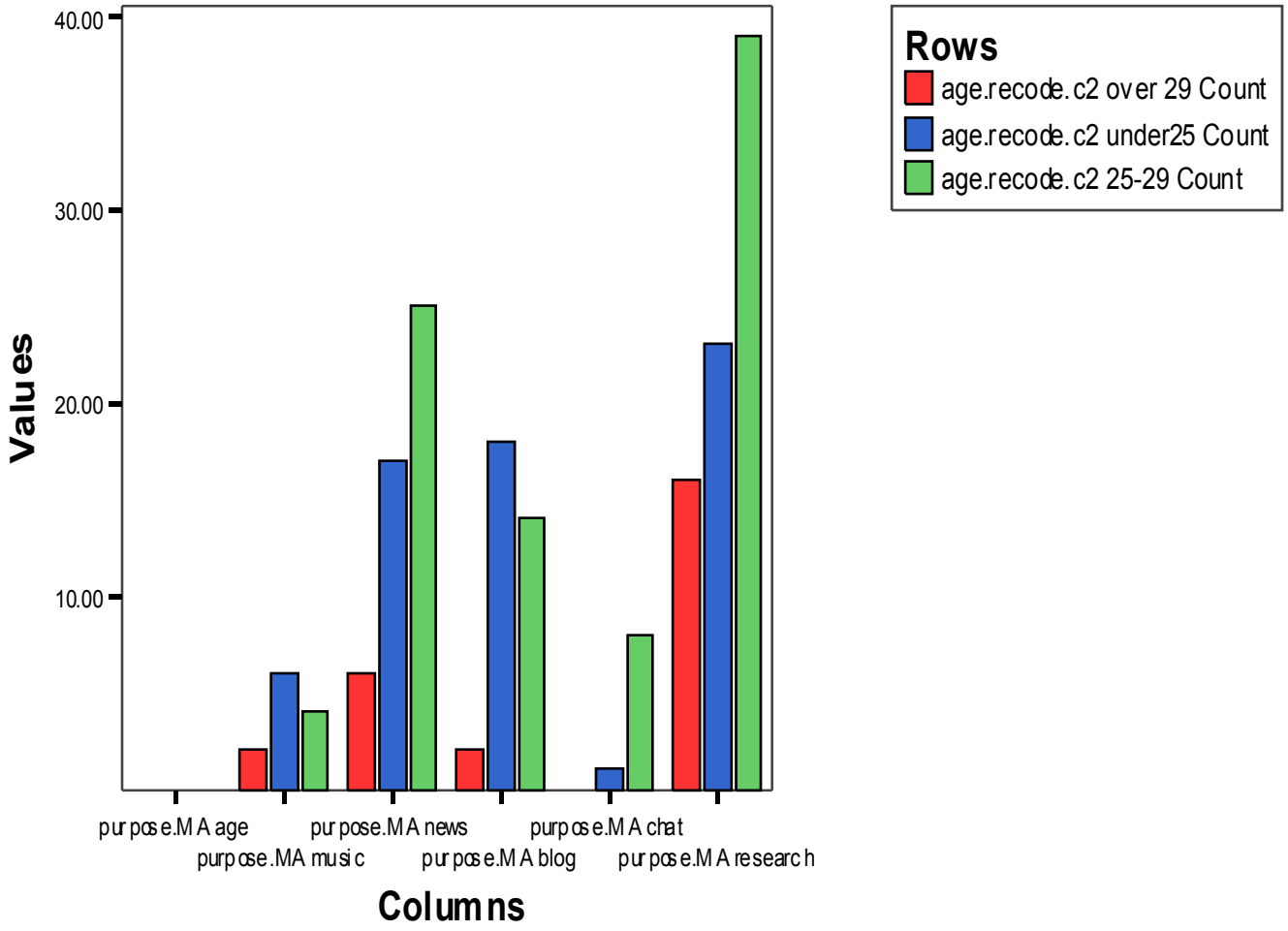

Thông qua đồ thị trên, nhận thấy rằng nhìn mục đích sử dụng internet của đối tương khảo sát là sử dụng mục đích nghiên cứu học tập là chính và đọc tin tức, bên cạnh đó, có rất nhiều ý kiến cho rằng việc sử dụng Internet trong giới trẻ nói chung hiện nay là không hiệu quả. Ý kiến này hoàn toàn không mâu thuẫn với những điều chúng ta phân tích trong phần trên vì đối tượng khảo sát mà chúng tôi tập trung trong bài báo cáo này là thành phần giới trẻ có quá trình học tập và công việc ổn định, không phải toàn bộ giới trẻ trong xã hội nói chung.

Hãy nhìn bảng phân tích sau để thấy mức độ hài lòng của internet đối với 3 nhóm độ tuổi trên

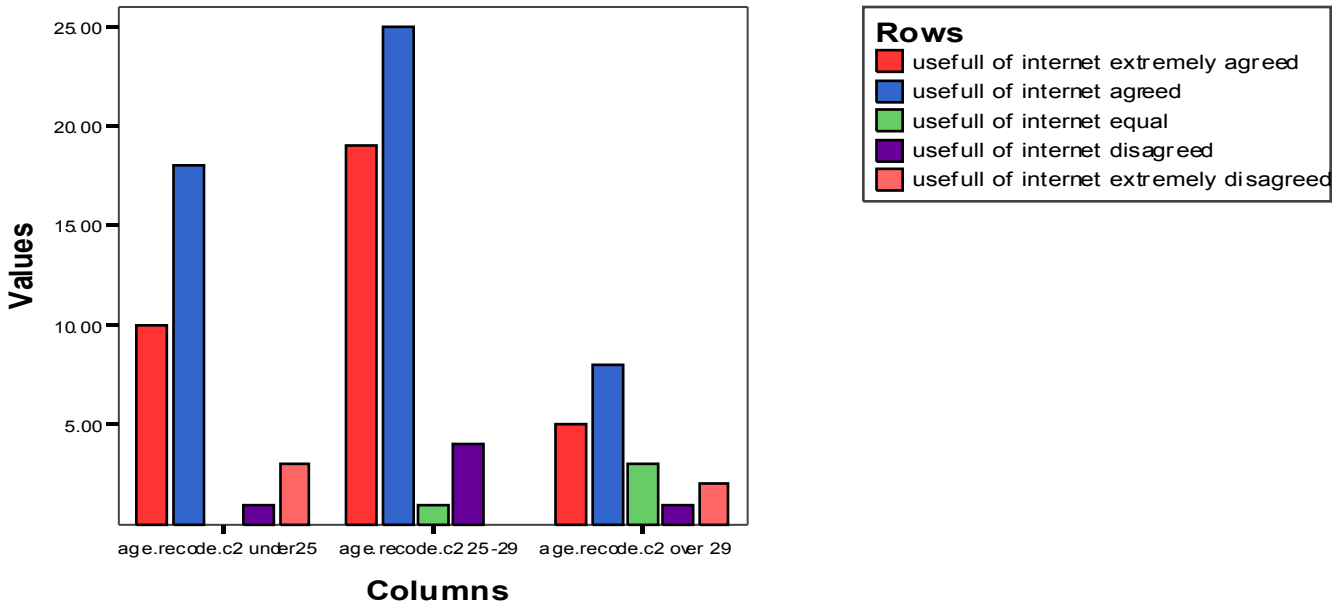

Trong báo cáo này, mức độ hài lòng về internet của nhóm đối tượng khảo sát là cao chiếm hơn 85 %.

		age.recode.c2		
		under25	25-29	over 29
usefull of internet	extremely agreed	10	19	5
	agreed	18	25	8
	equal		1	3
	disagreed	1	4	1
	extremely disagreed	3		2

3.2. Kết quả cuộc khảo sát về người dùng

3.2.1. Mức độ sử dụng internet và địa điểm truy cập. Sau hơn 1 tháng tiến hành khảo sát, ữ liệu nhóm thu được đã được tổng hợp như sau:

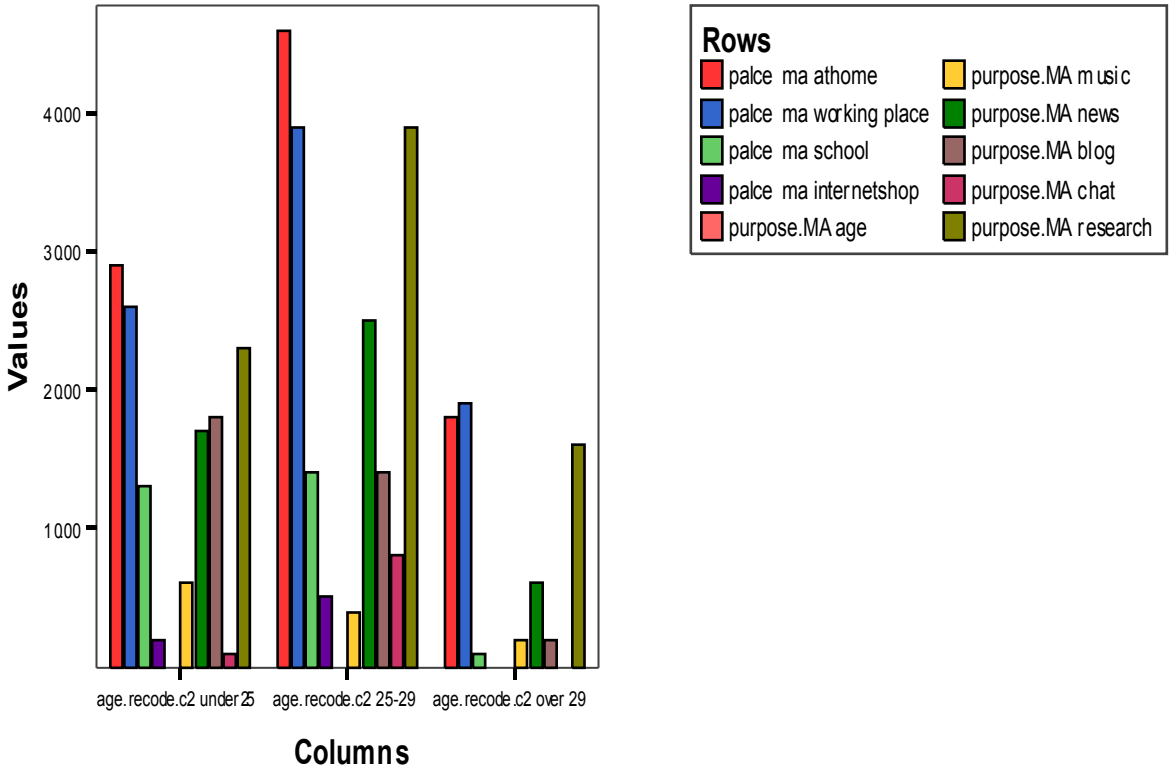

Ta có thể thấy trong tổng số đối tượng khảo sát là sử dụng Internet tại nhà, nhóm tuổi 2 chiếm số lượng áp đào so với 2 nhóm còn lại .

		age.recode.c2		
		under25	25-29	over 29
palce ma	athome	29	46	18
	working place	26	39	19
	school	13	14	1
	internetshop	2	5	
purpose.MA	age			
	music	6	4	2
	news	17	25	6
	blog	18	14	2
	chat	1	8	
	research	23	39	16

Về thời lượng sử dụng

Nhóm độ tuổi 2 có thời lượng sử dụng vượt trội so với hai nhóm còn lại. Điều này đã được giải thích ở phần trên.

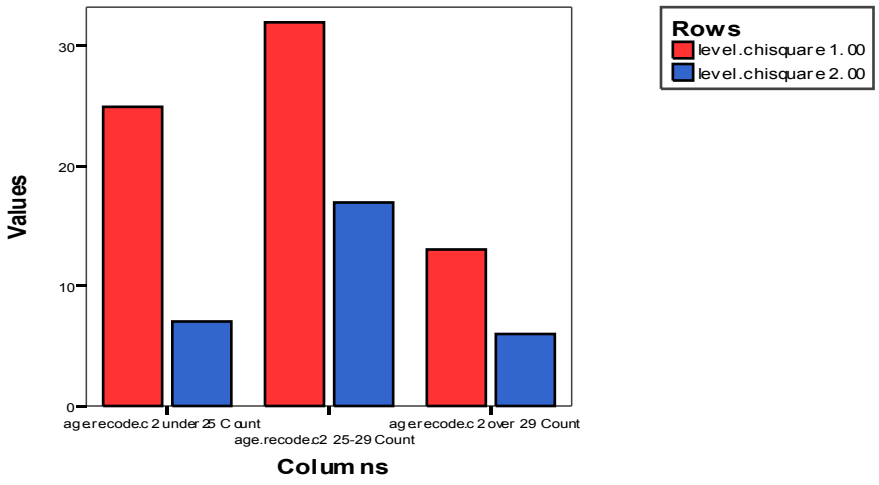

3.2.2. Mục đích sử dụng Internet.

		age.recode.c2		
		under25	25-29	over 29
purpose.MA	age			
	music	6	4	2
	news	17	25	6
	blog	18	14	2
	chat	1	8	
	research	23	39	16

4. Kiểm định

4.1 Kiểm định One Sample T Test

Giả thuyết đặt ra rằng hầu như các đối tượng khảo sát là 25 tuổi,

Ho : Tuổi thọ trung bình là 25 tuổi

Hi: Tuổ thọ trung bình khác 25 tuổi

One-Sample Statistics

	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
age	100	26.41	4.238	.424

One-Sample Test

	Test Value = 25					
					95% Confidence Interval of the Difference	
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Lower	Upper
age	3.327	99	.001	1.41	.57	2.25

Ta thấy sig 0.001 < anpha là 0.05, ta bác bỏ Ho và chấp nhận Hi , tức là giả thuyết trên là đúng Hi là đúng.

4.2 Kiểm định Independent- sampe T –test

Ho: giửa biến giới tính và thời lượng sử dung không có sự khác biệt

Hi : giửa biến giới tính và thời lượng sử dung không có sự khác biệt

	sexual	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
level.chisquare	female	43	1.2791	.45385	.06921
	male	57	1.3158	.46896	.06212

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
									95% Confidence Interval of the Difference	
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	Lower	Upper
level.chisquare	Equal variances assumed	.633	.428	-.393	98	.695	-.0367	.09343	-.22213	.14869
	Equal variances not assumed			-.395	92.095	.694	-.0367	.09300	-.22142	.14798

Group Statistics

Ta thấy Sig của Levence là 0.428 >0.05 mức ý nghĩa, do vậy ta chọn phương sai của giới tính là giống nhau.

Sig trong kiểm định t ka2 0.695 > 0.05 mức ý nghĩa do vậy, do vậy cho thấy không có sự khác biệt về ý nghĩa về trung bình của giới tính

5. Kết luận và mở rộng

Tổng hợp tất cả kết quả khảo sát và những phân tích thu được từ những phần trên, chúng tôi đưa ra những kết luận sau đây. Trong phần kết luận này, chúng tôi rút ra một số vấn đề cũng như giải pháp cho tình hình sử dụng Internet của giới trẻ hiện nay:

- Độ tuổi thuộc nhóm 1 và nhóm 2 là bộ phận tích cực nhất trong việc tìm hiểu và sử dụng Internet, điều này thể hiện qua thời lượng sử dụng Internet vượt trội so với các nhóm 3. Trong xu thế phát triển của nước ta hiện nay, sự năng động và tích cực này của tầng lớp thanh niên thực sự sẽ tạo nên một nguồn lực và sự kích thích rất lớn.
- Hiệu quả sử dụng Internet của các đối tượng được khảo sát là khá cao. Hiệu quả ở đây được đánh giá dựa trên mức độ hài lòng về Internet để nghiên cứu học tập, đọc tin tức so với sử dụng internet để chat và chơi game cũng như là sử dụng blog.
- Hiện nay, việc sử dụng Internet bừa bãi, thiếu suy nghĩ của giới trẻ nói chung trong xã hội đang là một hiện trạng nhức nhối. Tuy nhiên, qua những khảo sát khả quan thu được trong cuộc khảo sát lần này với một bộ phận giới trẻ có nền tảng giáo dục và ý thức lao động tốt, chúng tôi tin rằng chúng ta hoàn toàn có thể giải quyết được hiện trạng này bằng cách đẩy mạnh giáo dục ý thức trong giới trẻ. Khi điều đó được thực hiện, những số liệu khảo sát thu được qua bài báo cáo này sẽ

không chỉ áp dụng cho một bộ phận nhỏ đối tượng như hiện nay mà nó sẽ có thể đại diện được cho toàn bộ giới trẻ Việt Nam.

BẢNG CÂU HỎI

ĐỀ TÀI:

ĐIỀU TRA TÌNH HÌNH SỬ DỤNG INTERNET CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

CÂU 1: **Bạn bao nhiêu tuổi?**

……

CÂU 2: **Giới tính?**

a. **Nam**
b. **Nữ**

CÂU 3: **Cấp cao nhất của bạn là gì?**

a. **Trung học**
b. **Cao đẳng/Đại học**
c. **Sau đại học**

CÂU 4: **Bạn làm nghề gì?**

a. **Công chức**
b. **Chủ doanh nghiệp**
c. **Buôn bán nhỏ**
d. **Sinh viên/học sinh**
e. **Giáo viên**
f. **Nhân viên kinh doanh**
g. **Công nhân có tay nghề**
h. **Nhân viên văn phòng**
i. **Tự kinh doanh sản phẩm – dịch vụ**
j. **Lao động đơn giản**
k. **Nghề chuyên môn (Bác sĩ, kiến trúc sư, luật sư,…)**
l. **Về hưu**
m. **Không làm việc**

Câu 5: Thu nhập của bạn

a. **Dưới 1 triệu đồng**
b. **Từ 1 triệu đồng – dưới 2 triệu đồng**
c. **Từ 2 triệu đồng – dưới 4 triệu đồng**
d. **Từ 4 triệu đồng – dưới 6 triệu đồng**
e. **Trên 6 triệu đồng**

CÂU 6: **Bạn dùng internet ở đâu? (Chọn một hoặc nhiều)**

a. **Nhà**
b. **Chỗ làm việc**
c. **Trường học**
d. **Tiệm Internet**

CÂU 7: **Bạn dùng internet thường**

a. **Hàng ngày**
b. **Vài ngày mỗi tuần**
c. **Vài ngày mỗi tháng**
d. **Một lần một tháng hay ít hơn**
e. **Không bao giờ**

CÂU 8: **Bạn dùng internet để: (Chọn một hoặc nhiều)**

a. **Nghe nhạc/xem phim**
b. **Đọc tin tức**
c. **Đọc blog/forum**
d. **Chat/Mail/Game**
e. **Nghiên cứu về học tập/công việc**

CÂU 9**: Bạn có blog nào?**

a. **Tôi không có blog**
b. **Yahoo**
c. **Opera**
d. **Blogger**
e. **Wordpress**
f. **Khác**

CÂU 10**: Bạn tham gia mạng xã hội nào?**

a. **Tôi không tham gia**
b. **Facebook**
c. **Cyvee**
d. **Cyworld**
e. **Khác**

CÂU 11**: Bạn có bao giờ tìm thông tin trên internet về sản phẩm bạn đã mua hay muốn mua không?**

a. **Thường xuyên**
b. **Lâu lâu**
c. **Không bao giờ**

Câu 12**: Internet rất hữu ích**

a. **Rất đồng ý**
b. **Đồng ý**

c. **Bình thường**
d. **Không đồng ý**
e. **Rất không đồng ý**